

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12/11/2018

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông
Nông Quốc Hùng – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bon D, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Lương Văn C (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bon Y, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 31/8/2018, bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T chung sống với anh Lương Văn C từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, chị T và anh C hạnh phúc được khoảng 18 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, nên hay cãi vã nhau. Từ năm 2016 đến nay chị T và anh C không còn sống chung nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T và anh C có 03 con chung là cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999; cháu Lương Khánh H1, sinh ngày 16/07/2000 và cháu Lương Trung H2, sinh ngày 26/01/2012.

Đối với cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Lương Khánh H1 sinh ngày 16/07/2000 hiện nay trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy chị Tuyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lương Trung H2, sinh ngày 26/01/2012 chị T có nguyện vọng để anh C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Văn C trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C thừa nhận chung sống với chị Lò Thị T từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh C và chị T sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau không tôn trọng nhau, anh C và chị T đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh C đồng ý yêu cầu không công nhận là vợ chồng của chị T.

-Về con chung: Anh C và chị T có 03 con chung là cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999; cháu Lương Khánh H, sinh ngày 16/07/2000 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 26/01/2012.

Đối với cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Lương Khánh H sinh ngày 16/07/2000 hiện nay trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lương Trung H, sinh ngày 26/01/2012 anh C có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

Về trình tự tố tụng: Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lương Văn C có nơi cư trú tại bon Y, thị trấn Đ, huyện Krông Nô. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lương Văn C. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc sống chung của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” .Theo điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003.*

Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C thừa nhận có 03 con chung là cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999; cháu Lương Khánh H1, sinh ngày 16/07/2000 và cháu Lương Trung H2, sinh ngày 26/01/2012.

Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C thỏa thuận cụ thể: cháu Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Lương Khánh H1, sinh ngày 16/07/2000 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị T và anh C không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Lương Trung H2, sinh ngày 26/01/2012 chị T và anh C thỏa thuận giao cháu Lương Trung H2 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi

nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh C là tự nguyện, đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh C không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn C.

- Về con chung: Các con chung là Lương Thị A, sinh ngày 25/01/1999 và Lương Khánh H1, sinh ngày 16/07/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn C là giao cháu Lương Trung H2, sinh ngày 26/01/2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh C không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Lò Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003040, ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Nhi

